

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21/7/2022
V/v “*Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Hoàng

Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Phụng L, sinh năm 1981 (có mặt)

Nơi cư trú: KP2 Cẩm Giàng, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh;

-Bị đơn: Anh Mẫn Văn C, sinh năm 1978 (xin xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: thôn Đại Đồng 2, xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Ngọc Xá - Công an tỉnh Bắc Ninh theo Lệnh tạm giam của Công an huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Phụng L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Mẫn Văn C ngày 15/9/2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống với nhau ngay và ở riêng. Trong quá trình chung sống thì cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do Anh C trong quá trình làm ăn dẫn đến nợ nần nhiều, cờ bạc, chị đã phải trả nợ đây cho Anh C rất nhiều. Anh C đã phải đi chấp hành án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” với mức án 02 năm tại Trại giam Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang từ năm 2015 đến tháng 8 năm 2017, do Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử. Trong thời Anh C chấp hành án thì chị đều thăm hỏi và tiếp tế cho đến khi Anh C ra trại và tiếp tục chung sống với nhau từ cuối năm 2017 đến năm 2018 thì anh lại về xã Danh Thắng làm ăn và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh Mẫn Văn C.

- Về con chung: Chị xác định có 02 con chung là cháu Mẫn Khả Lực, sinh ngày 31/3/2007 và cháu Mẫn Thị Mỹ Lan, sinh ngày 22/10/2012. Hiện nay cả 02 cháu đang ở với chị, sức khỏe các cháu đều phát triển tốt. Khi ly hôn chị xin được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu Anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa chị có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình xin ly hôn anh Mẫn Văn C, về con chung chị xin được nuôi cả hai con chung, tài sản, công nợ chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Mẫn Văn C trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Phượng L ngày 15/9/2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay và ở riêng. Trong quá trình chung sống thì cuộc sống vợ chồng bình thường. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh trong quá trình làm ăn dẫn đến nợ nần nhiều. Năm 2015 anh phải đi chấp hành án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” với mức án 02 năm tại Trại giam Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, do Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay anh đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Ngọc Xá – Công an tỉnh Bắc Ninh theo Lệnh tạm giam của Công an huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng anh không đồng ý ly hôn và chờ khi nào chấp hành xong bản án thì anh mới đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Anh xác định có 02 con chung là cháu Mẫn Khả Lực, sinh

ngày 31/3/2007 và cháu Mẫn Thị Mỹ Lan, sinh ngày 22/10/2012. Hiện nay cả 02 cháu đang ở với Chị L, sức khỏe các cháu đều phát triển tốt. Khi ly hôn Chị L xin được nuôi cả 02 con chung thì anh đồng ý do hiện nay anh đang tạm giam không có điều kiện nuôi dưỡng.

Do hiện nay anh đang phải tạm giam nên anh xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Phượng L được ly hôn anh Mẫn Văn C.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Mẫn Khả Lực, sinh ngày 31/3/2007 và cháu Mẫn Thị Mỹ Lan, sinh ngày 22/10/2012 cho chị Nguyễn Phượng L tiếp tục nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng Chị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ, ruộng, nhà ở: Chị L, Anh C không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Phượng L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 22 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Phượng L xin ly hôn anh Mẫn Văn C có nơi cư trú tại thôn Đoàn Kết, xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hòa là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Anh Mẫn Văn C có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt Anh C là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Phượng L và anh Mẫn Văn C xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Danh Thắng, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Căn cứ vào lời khai của hai bên, biên bản làm việc với địa phương thì Hội đồng xét xử, xét thấy chị Liên và Anh Csau khi về chung sống thời gian đầu chung sống bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong quá trình làm ăn kinh tế Anh Cnợ nần, phải đi chấp hành án dẫn đến tình cảm vợ dạn nứt và đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Chị L có đơn xin ly hôn, Anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ly hôn vì phải chờ chấp hành án xong bản án mới đồng ý ly hôn. Bản thân Chị L cũng đã nộp đơn ly hôn lần 1 và đã được Tòa án thụ lý giải quyết ngày 01 tháng 10 năm 2020, sau đó Chị L rút đơn và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2021. Tuy nhiên, do không cải thiện được tình cảm nên chị lại nộp đơn xin ly hôn lần 2 và được Tòa án thụ lý giải quyết. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung của Chị L và Anh Ckhông thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa hiện nay, Anh Cđang phải tạm giam trong vụ án khác, hai bên không thể có điều kiện chung sống cùng nhau được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Phượng L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị L, Anh Cxác định có 02 con chung là Mẫn Khả Lực, sinh ngày 31/3/2007 và cháu Mẫn Thị Mỹ Lan, sinh ngày 22/10/2012. Khi ly hôn Chị L xin được tiếp tục nuôi cả 02 con chung Anh Cđồng ý. Xét thấy, cả 02 cháu đang ở ổn định với Chị L, được chăm sóc, học hành chu đáo, sức khỏe phát triển tốt. Để đảm bảo sự phát triển ổn định của các con chung, cũng như nguyện vọng, điều kiện nuôi dưỡng của hai bên. Do vậy, cần giao cả 02 con chung cho chị Nguyễn Phượng L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ, ruộng, nhà ở: Chị L, Anh Ckhông yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Phượng L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Phượng L được ly hôn anh Mẫn Văn C.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Mẫn Khả Lực, sinh ngày 31/3/2007 và cháu Mẫn Thị Mỹ Lan, sinh ngày 22/10/2012 cho chị Nguyễn Phượng L tiếp tục nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng Chị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L, Anh C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết

4. Về án phí: Chị Nguyễn Phượng L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008141 ngày 22/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận Chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Danh Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Sự

